

SỞ TƯ PHÁP THANH HOÁ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ
TÀI SẢN

Số: 523 /TB-TTDDVDG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá Ủy ban nhân dân phường Đông Tiến - Địa chỉ: TDP Bái Giao 2, UBND phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên tài sản, nơi có tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 32 lô tại các MBQH số 3716/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 (Quỹ đất xen cư, xen kẹt trên địa bàn phường Đông Lĩnh cũ); MBQH số 2675/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 (Điểm dân cư Ao Tàn, phố Thọ Sơn 2, xã Tân Châu cũ); MBQH số 02-MB/2008 (điều chỉnh QH ngày 28/9/2009 - Khu dân cư xã Thiệu Khánh cũ); MBQH số 520/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 và MBQH số 2713/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 (xã Đông Tiến cũ), nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa;

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá (32 lô): 3.546.1 m²
- Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

* Nơi có tài sản đấu giá: MBQH thuộc các khu dân cư trên địa bàn phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

3. Giá khởi điểm và tiền đặt trước:

Giá khởi điểm: Từ 5.000.000 đồng/m² đến 18.078.000 đồng/m².

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/1 hồ sơ
- Tiền đặt trước: Từ 303.120.000 đồng /1 hồ sơ đến 2.452.330.000 đồng /1 hồ sơ.

4. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Tại Phòng kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đông Tiến, địa chỉ TDP Mân Trung, UBND phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hoá (Công sở UBND phường Đông Lĩnh cũ) : từ ngày 20/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 10/9/2026; Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa: từ ngày 20/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 11/9/2026.

b) Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 20/8/2026 đến 18 giờ 00 phút ngày 11/9/2026. Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: **136636999** mở tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (**Nam Á Bank**).

c) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:



- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;
- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân kèm theo;
- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;
- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

5. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

Bắt đầu 08 giờ 00 phút ngày 16/9/2026. Hội Trường UBND phường Đông Tiễn, tỉnh Thanh Hoá (Công sở UBND phường Đông lĩnh cũ).

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7. Bước giá: 1%, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau sao với lần trả giá trước liền kề.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông báo này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Đăng Báo Thanh Hoá (20/8/2026);
- Đăng Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Đăng Cổng TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HS.

GIÁM ĐỐC




Mai Văn Đông

PHỤ LỤC:

MBQH THUỘC PHƯỜNG ĐÔNG TIỀN, TỈNH THANH HÓA

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)	Hệ số	Mức giá khởi điểm (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước	Phí hồ sơ
I. MBQH số 3716/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 (Quỹ đất xen cư, xen kệt trên địa bàn phường Đông Lĩnh cũ)							
Vị trí 2 - phố Vân Nhưng							
1	CL-04	92.50		12,500,000	1,156,250,000	578,125,000	200,000
2	CL-05	92.50		12,500,000	1,156,250,000	578,125,000	200,000
3	CL-06	92.50		12,500,000	1,156,250,000	578,125,000	200,000
4	CL-07	92.50		12,500,000	1,156,250,000	578,125,000	200,000
Vị trí 3 - phố Vân Nhưng							
5	CL-01	98.00	1.2	7,800,000	764,400,000	382,200,000	100,000
6	CL-02	100.00		6,500,000	650,000,000	325,000,000	100,000
7	CL-03	100.00		6,500,000	650,000,000	325,000,000	100,000
8	CL-04	100.00		6,500,000	650,000,000	325,000,000	100,000
9	CL-06	100.00		6,500,000	650,000,000	325,000,000	100,000
10	CL-07	100.00		6,500,000	650,000,000	325,000,000	100,000
	cộng	968.00			8,639,400,000	4,319,700,000	
II. MBQH số 2675/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 (Điểm dân cư Ao Tàn, thôn Thọ Sơn 2, xã Tân Châu cũ)							
11	CL-C:10	112.00	1.1	5,500,000	616,000,000	308,000,000	100,000
12	CL-D:12	112.00	1.1	5,500,000	616,000,000	308,000,000	100,000
	cộng	224.00			1,232,000,000	616,000,000	
III. MBQH số 02-MB/2008 (điều chỉnh QH ngày 28/9/2009 - Khu dân cư xã Thiệu Khánh cũ)							
13	Lô số 14	101.04		6,000,000	606,240,000	303,120,000	100,000
	cộng	101.04			606,240,000	303,120,000	
IV. MBQH số 520/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 (Khu dân cư Đồng Nhưng, xã Đông Tiến cũ)							
Khu A							
14	LK2:17	90.50	1.2	15,488,400	1,401,700,200	700,850,000	200,000
Khu B							
15	BT2:14	380.00		12,907,000	4,904,660,000	2,452,330,000	200,000
16	LK12:24	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
17	LK12:25	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000

18	1 K12:26	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
19	1 K12:27	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
20	1 K12:28	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
21	1 K12:29	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
22	1 K12:32	100.00		12,907,000	1,290,700,000	645,350,000	200,000
23	1 K12:33	100.00	1.1	14,197,700	1,419,770,000	709,885,000	200,000
24	1 K12:34	100.00	1.1	14,197,700	1,419,770,000	709,885,000	200,000
25	HH1:35	95.50	1.2	21,693,600	2,071,738,800	1,035,869,000	200,000
	cộng	1,466			20,252,539,000	10,126,269,000	

V. MBQH số 2713/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 (Điểm dân cư mới đối diện

Công ty Thái Long thôn Hiệp Khởi, thôn Triệu Xá, xã Đông Tiến cũ)

26	LK:H-01	135.50	1.2	7,200,000	975,600,000	487,800,000	100,000
27	LK:D-01	87.60	1.2	7,200,000	630,720,000	315,360,000	100,000
28	LK:D-07	102.00		6,000,000	612,000,000	306,000,000	100,000
29	LK:D-09	102.00		6,000,000	612,000,000	306,000,000	100,000
30	LK:H-18	120.00		6,000,000	720,000,000	360,000,000	100,000
31	LK:H-19	120.00		6,000,000	720,000,000	360,000,000	100,000
32	LK:H-20	120.00		6,000,000	720,000,000	360,000,000	100,000
	cộng	787.10			4,990,320,000	2,495,160,000	
Tổng Cộng		3,546.1			35,720,499,000	17,860,249,000	